

**TÒA ÁN NHÂN DÂN**  
**THÀNH PHỐ LONG XUYỀN**  
**TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **174/2021/HNGĐ-ST**  
Ngày: 14-7-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con  
khi ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Bé Thu

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng
2. Ông Nguyễn Tấn Hậu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trần Ngọc Ký, là Thư ký Tòa án, của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa:**  
Không thuộc trường hợp kiểm sát tham gia phiên tòa.

Trong ngày 22 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2021/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 243/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 286/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 22 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: khóm Đ, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

*Bị đơn:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1982 (Có mặt)

Địa chỉ: khóm Đ, phường M, thành phố LX, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Căn cứ đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 4 năm 2021 và biên bản hòa giải ngày 21 tháng 4 năm 2021 nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A thể hiện nội dung và yêu cầu khởi kiện như sau:*

Chị và anh Nguyễn Thanh T tự tìm hiểu và đi đến hôn nhân vào năm 2009. Cả hai có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước vào ngày 19/10/2009. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng trong cuộc sống thường xuyên xảy ra. Hiện cả hai đã ly thân. Nhận thấy chị và anh T không thể tiếp tục cuộc sống vợ chồng nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1/ Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh T;

2/ Về con chung: Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 31/01/2010 và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 02/7/2014. Hiện con chung Nguyễn Bảo H đang sống với anh T, con chung Nguyễn Thị Bảo C hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị và anh T thống nhất chị nuôi dưỡng cháu Châu; còn anh T nuôi dưỡng cháu Huy. Việc cấp dưỡng nuôi con cả hai sẽ tự thỏa thuận.

3/ Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Quá trình giải quyết vụ án đối với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy A bị đơn anh Nguyễn Thanh T thể hiện ý kiến:*

Anh thống nhất nội dung trình bày và quá trình đi đến hôn nhân cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Do hiện tại anh còn thương vợ và mong muốn các con có một gia đình đầy đủ cả cha mẹ nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A, Anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ.

Đối với hai con chung Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 31/01/2010 và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 02/7/2014. Hiện con chung Nguyễn Bảo H đang sống với anh T, con chung Nguyễn Thị Bảo C hiện đang sống chung với chị A. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A thì anh đồng ý giao cháu C cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng; anh sẽ nuôi dưỡng cháu H. Việc cấp dưỡng nuôi con cả hai sẽ tự thỏa thuận.

Giữa anh và chị A không có tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày 14 tháng 7 năm 2021: Chị A vắng mặt có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Anh T có mặt tại phiên tòa trình bày ý kiến đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị A. Các nội dung còn lại giữ nguyên như trong quá trình hòa giải.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn với anh T. Anh T có nơi cư trú tại thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự: Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt chị A.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về hôn nhân: Chị A và Anh T tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Phước vào ngày 19/10/2009. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên chị A yêu cầu ly hôn với anh T. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng trong cuộc sống thường xuyên xảy ra. Hiện tại do tình cảm không còn nên chị A yêu cầu được ly hôn với anh T. Đối với yêu cầu ly hôn của chị A anh T đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy: Vợ chồng, phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Trong cuộc hôn nhân giữa chị A và anh T hiện tại anh, chị lại không thực hiện các nghĩa vụ này. Đồng thời, hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện nhưng cả chị A và anh T đều không muốn tiếp tục cuộc hôn nhân của mình. Do đó, Hội đồng xét xử không có căn cứ duy trì cuộc hôn nhân của anh, chị. Yêu cầu ly hôn của chị A được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 31/01/2010 và Nguyễn Bảo H, sinh ngày 02/7/2014. Hiện con chung Nguyễn Bảo H đang sống với anh T, con chung Nguyễn Thị Bảo C hiện đang sống chung với chị A. Chị A và anh T thống nhất anh T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huy; còn chị A nuôi dưỡng cháu Châu. Sự thỏa thuận của hai anh chị bảo đảm sự ổn định cuộc sống hiện tại cho hai cháu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh, chị phải tạo điều kiện cho nhau trong việc trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị A và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Chị A, anh T trình bày không có tuy nhiên sau khi bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì anh, chị phải liên đới trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án khác.

[3.5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị A phải nộp theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 186, 3 Điều 228, Điều 271, 273, 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Thúy A với anh Nguyễn Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 214/KH.MP, quyền số 01/09 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ phước, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang cấp cho Nguyễn Thanh T và Nguyễn Thị Thúy A ngày 19 tháng 10 năm 2009 hết hiệu lực kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thị Bảo C, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2010 cho chị A và con chung Nguyễn Bảo H, sinh ngày 02 tháng 7 năm 2014 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn.

Anh, chị phải tạo điều kiện cho nhau trong việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Việc nuôi con chung không cố định.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị A và anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân: Không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002163 ngày 08 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. chị A đã nộp đủ.

5/ Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị A được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPLX;
- Chi cục Thi hành án dân sự TPLX;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Lê Thị Bé Thu**